TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HC-PT
Ngày: 18 - 01 - 2022
V/v Yêu cầu hủy quyết định hành chính và buộc thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 18/2021/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc "Yêu cầu hủy quyết định hành chính và buộc thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2356/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Trần Quốc D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: tổ 4, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hoàng Th - Chức vụ: Chủ tịch. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH MTV Cao su B.

Địa chỉ: Quốc lộ 13, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn V – Tổng Giám đốc. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Quốc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Quốc D, người đại diện theo ủy quyền của ông D là ông Nguyễn Đình H trình bày:

Năm 1988, ông D có khai phá được 01 diện tích đất khoảng 01 hecta tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Khi nhà nước thu hồi đất làm đường Đ thì có bồi thường giá trị đất và tài sản trên đất cho ông D nên ông D không có ý kiến gì. Đối với việc thu hồi đất làm đường Ng thì chỉ bồi thường giá trị tài sản trên đất, không bồi thường giá trị đất. Đối với đất ông D khởi kiện đề nghị cấp GCNQSDĐ là do ông D cho Công ty Cao su B cũ mượn làm đường đi. Sau này, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 thu hồi đất của Công ty Cao su B giao về cho địa phương quản lý để cấp GCNQSDĐ cho người dân nhưng UBND thị xã B không cấp GCNQSDĐ cho ông D. Ông D khiếu nại đến UBND thị xã B thì được trả lời tại Công văn số 2104/UBND-NC ngày 17/12/2019.

Ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2104/UBND-NC ngày 17/12/2019 của UBND thị xã B và yêu cầu UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông đối với thửa đất có diện tích ngang 08 mét mặt tiền đường Ng, dài 24 mét, phía Bắc giáp thửa số 52, tờ bản đồ số 53, phía Đông giáp thửa số 56 tờ bản đồ số 53, phía Tây giáp thửa 594, tờ bản đồ số 53 (Theo sơ đồ đo đạc ngày 17/10/2016 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B thực hiện), đất tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã B trình bày:

Tại Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi đất của Công ty Cao su B giao cho UBND huyện B, UBND huyện Chơn Thành quản lý để cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân nhưng lý do không cấp cho ông D đối với thửa đất ông D đang khởi kiện vì đất này là đường đi vào kho xăng của Công ty Cao su B (cũ), không phải là đất của ông D.

Căn cứ trích đo bản đồ địa chính lập ngày 20/9/2011 thể hiện diện tích đất ông D khởi kiện là con đường đất do hiện trạng trước đây là con đường đi vào kho xăng của Công ty Cao su B (cũ) được thể hiện tại bản đồ địa chính kèm theo Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi đất Công ty TNHH MTV Cao su B giao UBND thị xã B quản lý quy hoạch khu dân cư đường Đ - Ng. Như vậy, Công ty TNHH MTV Cao su B quản lý khu vực đất trên có phần diện tích đường đi mà ông D đề nghị cấp GCNQSDĐ. Sau khi bàn giao về thị xã B quản lý thì diện tích đất trên vẫn thuộc diện tích đường đi do UBND thị xã quản lý.

Năm 2011, UBND thị xã B quy hoạch diện tích đất 8.097,6m^2 để quy hoạch khu dân cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 21/11/2011. Sau khi quy hoạch do không giải phóng được mặt bằng nên năm 2017 UBND thị xã B đã điều chỉnh quy hoạch phần diện tích UBND tỉnh giao tại Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết phân lô dân cư đường Đ - Ng tại Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND thị xã B và vẫn giữ nguyên hiện trạng con đường. Việc UBND thị xã B điều chỉnh quy hoạch phân lô dân cư đường Đ - Ng là đúng thẩm quyền. Do vậy, UBND thị xã B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Cao su B trình bày:

Về diện tích đất quanh kho xăng (cũ) của công ty nằm trong diện tích đất 8.869,88 hecta mà Công ty đã bàn giao cho UBND huyện B (nay là UBND thị xã B) quản lý theo Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Bình Phước. Khu vực kho xăng Công ty TNHH MTV Cao su B đã bàn giao cho UBND thị xã B theo biên bản ngày 29/7/2011. Việc quy hoạch sử dụng đất hay xét cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân là thẩm quyền của UBND thị xã B, Công ty TNHH MTV Cao su B không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Căn cứ các Điều 99, 100, 101, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, khoản 5 Điều 19, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc D về việc hủy Công văn số 2104/UBND-NC ngày 17/12/2019.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của ông D về việc yêu cầu UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích ngang 08 mét mặt tiền đường Ng, dài 24 mét, phía Bắc giáp thửa số 52, tờ bản đồ số 53, phía Đông giáp thửa số 56 tờ bản đồ số 53, phía Tây giáp thửa 594, tờ bản đồ số 53 (Theo sơ đồ đo đạc ngày 17/10/2016 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B thực hiện), đất tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/10/2020, ông Trần Quốc D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quốc D trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trần Quốc D làm trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trần Quốc D khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 2104/UBND-NC ngày 17/12/2019 của UBND huyện B và buộc UBND huyện B thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D đối với thửa đất có diện tích ngang 08 mét mặt tiền đường Ng, dài 24 mét, phía Bắc giáp thửa số 52, tờ bản đồ số 53, phía Đông giáp thửa số 56 tờ bản đồ số 53, phía Tây giáp thửa 594, tờ bản đồ số 53, đất tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần diện tích đất ông Trần Quốc D yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính năm 2001 thể hiện là đường đi vào kho xăng của Công ty cao su B. Năm 2008, Công ty B bàn giao diện tích đất trên cho địa phương quản lý theo Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Bình Phước thì diện tích đất trên vẫn là đường đi. Năm 2011, UBND thị xã B quy hoạch diện tích đất 8.097,6m^2 để làm khu dân cư theo Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 21/11/2011; ngày 18/10/2017 UBND huyện B ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 điều chỉnh lại quy hoạch theo Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND tỉnh Bình Phước. Trong suốt quá trình quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch, diện tích đất ông D

khiếu nại vẫn được giữ nguyên hiện trạng là con đường đi.

Bản thân ông D cũng xác định thời điểm thu hồi đất để làm đường Đ thì ông chỉ được bồi thường giá trị tài sản trên đất, không được bồi thường về đất. Ông D đồng ý và không có khiếu nại đối với việc thu hồi đất.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định phần diện tích đất ông D khiếu nại yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất công do Nhà nước quản lý. UBND huyện B ban hành Công văn số 2104/UBND-NC ngày 17/12/2019 trả lời không chấp nhận khiếu nại của ông D là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc D; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Quốc D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các Điều 99, 100, 101, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, khoản 5 Điều 19, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc D về việc hủy Công văn số 2104/UBND-NC ngày 17/12/2019.

Không chấp nhận yêu cầu của ông D về việc yêu cầu UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích ngang 08 mét mặt tiền đường Ng, dài 24 mét, phía Bắc giáp thửa số 52, tờ bản đồ số 53, phía Đông giáp thửa số 56 tờ bản đồ số 53, phía Tây giáp thửa 594, tờ bản đồ số 53 (Theo sơ đồ đo đạc ngày 17/10/2016 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B thực hiện), đất tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Quốc D phải chịu 300.000 đồng;

được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 015370 ngày 04/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước; đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Phạm Trí Tuấn	**Mai Thị Tú Oanh**	**Hoàng Thanh Dũng**